

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 200/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970 (có mặt)

Trú tại: 143, tổ 4, ấp 1, xã P, huyện L, Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Châu Vĩnh Đ, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Trú tại: 28, ấp 1C, xã P, huyện L, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Đ tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1992 có tổ chức lễ cưới, đến năm 2010 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, tuy chung sống một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm. Từ năm 2010 vợ chồng chị sống ly thân đến nay chị chuyển về xã P sinh sống, còn anh Đ ở xã P nhưng đến năm 2016 chị mới làm thủ tục chuyển khẩu. Từ khi sống ly thân vợ chồng có gặp nhau nhưng không có bàn bạc đoàn tụ. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Con chung Có 02 con tên Châu Vĩnh N, sinh năm 1993 và Châu Vĩnh V, sinh năm 1994 . Hiện các cháu đã trưởng thành có gia đình riêng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2018, bị đơn anh Châu Vĩnh Đ trình bày:

Thời gian và hoàn cảnh xây dựng gia đình như chị L khi là đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình cảm vợ chồng không còn nên không quan tâm đến nhau, từ đầu năm 2016 vợ chồng sống ly thân đến nay anh ở xã Phước Thái còn chị L chuyển hộ khẩu về xã P sinh sống. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn.

Con chung: Có hai con chung như chị L khai hiện các cháu đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo các Điều 222 đến 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70,72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Đ. Về con chung: hai cháu Nhật và Việt đều đã trưởng thành nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh Đ không đến tham dự phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (số 17/1992 ngày 21/07/1992) theo đúng quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 1986 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy từ năm 2010 vợ chồng chị L và anh Đ sống không hạnh phúc đến năm 2016 thì tự sống ly thân nhau cho đến nay chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đều xác định tình cảm không còn nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Đ.

[3]. Về con chung: Chị L, anh Đ đều xác định có hai con chung là cháu Châu Vĩnh N, sinh năm 1993 và Châu Vĩnh V, sinh năm 1994.

Hiện các cháu đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự và có đủ khả năng lao động nên không xét việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[6] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 56, 131 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Điều 8 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 1986.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Châu Vĩnh Đ.

- Về con chung: Hai con chung là Châu Vĩnh N, sinh năm 1993 và Châu Vĩnh V, sinh năm 1994 đều đã trưởng thành.
- Về tài sản chung; nợ chung: không xét.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 002054 ngày 30/3/2018 của Chi cục thi hành án huyện Long Thành. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Chị Nguyễn Thị L được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Châu Vĩnh Đ được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- UBND X.Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng